

Câu I (3 điểm)

1. Cho biết những nơi nào trên Trái Đất:

Mỗi năm có 1 ngày là ngày dài 24 giờ và 1 ngày là đêm dài 24 giờ? Đó là những ngày nào? Giải thích?

2. Vào những thời điểm nào trong năm, tại Thành phố Hồ Chí Minh (Khoảng hơn $10^{\circ}B$) có hiện tượng ngày dài bằng đêm, ngày dài hơn đêm và ngày ngắn hơn đêm.

Câu II (2 điểm)

Vị trí địa lí mang đến những thuận lợi và khó khăn gì cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội nước ta ?

Câu III (5 điểm) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13 và kiến thức đã học. Hãy phân tích lát cắt địa hình A- B theo các yêu cầu sau:

1. Tính chiều dài thực tế của lát cắt A- B.
2. Xác định hướng của lát cắt.
3. Phân tích đặc điểm cơ bản của địa hình dọc theo lát cắt A- B.
4. So sánh khu vực địa hình vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc?
5. Nêu đặc điểm và phân bố các dạng địa hình của Thanh Hóa?

Câu IV (5 điểm). Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học,

1. Vùng biên nước ta tiếp giáp với vùng biên những quốc gia nào?
2. Vùng biên Việt Nam mang tính chất nhiệt đới gió mùa, em hãy chứng minh điều đó thông qua các yếu tố khí hậu biển?
3. Kể tên các đảo của Thanh Hóa. Vùng biển Thanh Hóa đem lại những thuận lợi gì đối với phát triển kinh tế ?

Câu V (5 điểm) Cho bảng số liệu sau:

Tổng diện tích rừng, rừng tự nhiên, rừng trồng ở nước ta qua các năm
(Đơn vị : triệu ha)

Năm	1943	1983	1995	2005
Tổng diện tích rừng	14,3	7,2	9,3	12,7
Trong đó: Rừng trồng	0	0,4	1,0	2,5

1. Tính tỉ lệ (%) độ che phủ rừng so với diện tích đất liền (làm tròn là 33 triệu ha).
2. Vẽ biểu đồ thể hiện sự biến động tổng diện tích rừng, diện tích rừng trồng và độ che phủ rừng ở nước ta giai đoạn 1943 - 2005.
3. Nhận xét về xu hướng biến động của diện tích rừng Việt Nam trong giai đoạn trên.

Hướng dẫn chấm

Câu	Nội dung	Điểm
I	I. Các địa phương nằm trên đường vòng cực Bắc và đường vòng cực Nam mỗi năm có 1 ngày là ngày dài 24 giờ và 1 ngày là đêm dài 24 giờ. Đó là ngày 22/6 và ngày 22/12.	0,5
	Do: Trái Đất hình cầu, trục Trái Đất luôn nghiêng trên mặt phẳng quỹ đạo một góc không đổi $66^{\circ}33'$ trong quá trình chuyển động xung quanh Mặt Trời.	0,25
	- Ngày 22-6 tia sáng Mặt Trời chiếu vuông góc tại vĩ tuyến $23^{\circ}27'N$ vào lúc 12 giờ trưa. Vòng cực Bắc hoàn toàn nằm trước đường phân chia sáng tối nên có hiện tượng ngày dài 24 giờ, không có đêm. Trong khi đó, vòng cực Nam hoàn toàn nằm sau đường phân chia sáng tối nên có hiện tượng đêm dài 24 giờ, không có ngày.	0,25
	- Ngày 22-12 tia sáng Mặt Trời chiếu vuông góc tại vĩ tuyến $23^{\circ}27'S$ vào lúc 12 giờ trưa. Vòng cực Bắc hoàn toàn nằm sau đường phân chia sáng tối nên có hiện tượng đêm dài 24 giờ. Trong khi đó, vòng cực Nam hoàn toàn nằm trước đường phân chia sáng tối nên có hiện tượng ngày dài 24 giờ.	0,5
	2. Tại Tp Hồ Chí Minh + Vào ngày 21/3 và 23/9 có hiện tượng ngày dài bằng đêm. + Từ sau 21/3 đến trước 23/9 có hiện tượng ngày dài hơn đêm. + Từ sau 23/9 đến trước 21/3 có hiện tượng ngày ngắn hơn đêm.	0,5 0,25 0,25
II	Vị trí địa lí mang đến những thuận lợi và khó khăn gì cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội nước ta ?	2,0
	- Những thuận lợi :	
	+ Thuận lợi trong việc thông thương, giao lưu phát triển kinh tế - xã hội với các nước trong khu vực và trên thế giới.	0,5
	+ Thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.	0,25
	+ Nguồn khoáng sản phong phú, đa dạng, là cơ sở quan trọng để phát triển các ngành công nghiệp.	0,25
+ Mang lại khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất. Sinh vật phong phú, đa dạng, sinh trưởng, phát triển nhanh quanh năm .	0,25	
+ Thuận lợi cho phát triển tổng hợp kinh tế biển.	0,25	

	- Những khó khăn : Thiên tai thường xuyên xảy ra như bão, lũ ; vấn đề an ninh quốc phòng hết sức nhạy cảm.	0,5									
III	1. Chiều dài thực tế của lát cắt A- B: Dựa vào tỉ lệ ngang của lát cắt tính được chiều dài thực tế của lát cắt là 330km chạy từ sơn nguyên Đồng Văn đến cửa sông Thái Bình.	0,5									
	2. Hướng: Lát cắt chạy theo hướng tây bắc – đông nam.	0,5									
	3. Đặc điểm địa hình của lát cắt A- B: - Lát cắt chạy qua các dạng địa hình chính là núi, vùng đồi chuyển tiếp và đồng bằng . - Lát cắt qua Sơn nguyên Đồng Văn, núi PuThaCa, núi PhiaYa, núi Phia Boóc, cánh cung Ngân Sơn, Cánh cung Bắc Sơn.	0,5									
	- Lát cắt cắt qua các sông: Sông Gâm, sông Năng, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Kinh Thầy và cửa sông Thái Bình.	0,25									
	4. So sánh khu vực địa hình vùng núi Đông bắc với vùng núi Tây Bắc	2,0									
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Vùng núi Đông Bắc</th> <th>Vùng núi Tây Bắc</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Nằm ở tả ngạn Sông Hồng (từ dãy con voi đến vùng ven biển Quảng Ninh)</td> <td>- Nằm giữa sông Hồng và sông Cả</td> </tr> <tr> <td>- Vùng đồi núi thấp(kể tên...)</td> <td>- Dãy núi cao các sơn nguyên đá vôi hiểm trở nằm song song (kể tên...)</td> </tr> <tr> <td>- Hướng nghiêng địa hình vòng cung. Nổi bật với cánh cung lớn(kể tên....)</td> <td>- Hướng Tây Bắc - Đông Nam (kể tên...)</td> </tr> <tr> <td>- Địa hình caoxtơ với nhiều hang động đẹp (kể tên...)</td> <td>- Đồng bằng nhỏ nằm giữa núi (kể tên...)</td> </tr> </tbody> </table>	Vùng núi Đông Bắc	Vùng núi Tây Bắc	- Nằm ở tả ngạn Sông Hồng (từ dãy con voi đến vùng ven biển Quảng Ninh)	- Nằm giữa sông Hồng và sông Cả	- Vùng đồi núi thấp(kể tên...)	- Dãy núi cao các sơn nguyên đá vôi hiểm trở nằm song song (kể tên...)	- Hướng nghiêng địa hình vòng cung. Nổi bật với cánh cung lớn(kể tên....)	- Hướng Tây Bắc - Đông Nam (kể tên...)	- Địa hình caoxtơ với nhiều hang động đẹp (kể tên...)	- Đồng bằng nhỏ nằm giữa núi (kể tên...)	
Vùng núi Đông Bắc	Vùng núi Tây Bắc										
- Nằm ở tả ngạn Sông Hồng (từ dãy con voi đến vùng ven biển Quảng Ninh)	- Nằm giữa sông Hồng và sông Cả										
- Vùng đồi núi thấp(kể tên...)	- Dãy núi cao các sơn nguyên đá vôi hiểm trở nằm song song (kể tên...)										
- Hướng nghiêng địa hình vòng cung. Nổi bật với cánh cung lớn(kể tên....)	- Hướng Tây Bắc - Đông Nam (kể tên...)										
- Địa hình caoxtơ với nhiều hang động đẹp (kể tên...)	- Đồng bằng nhỏ nằm giữa núi (kể tên...)										
IV	5. Đặc điểm và phân bố các dạng địa hình của Thanh Hóa - Miền núi và trung du ở phía tây: +Vùng núi: thấp (độ cao TB 600 – 700 m), nhiều đỉnh núi cao trên 1000m. + Vùng Trung du: chủ yếu là đồi núi thấp, đỉnh bằng, sườn thoải. - Miền đồng bằng ở phía đông: hình thành bởi phù sa của các hệ thống sông. - Miền ven biển từ Nga Sơn đến Tĩnh Gia: vùng sinh lầy, vùng đất cát. Bờ biển bằng phẳng, thềm lục địa tương đối nông và rộng.	1,0									
		0,25									
		0,25									
		0,25									
		0,25									
	1. Vùng biển nước ta tiếp giáp với vùng biển của các nước: Trung Quốc, Philippin, Thái Lan, Malaixia, Indonexia, Xigapo, Campuchia, Brunây	1,0									

	<p>2. Vùng biển Việt Nam mang tính chất nhiệt đới gió mùa:</p> <p>- Chế độ nhiệt: Trung bình 23⁰C. Mùa hạ mát, mùa đông ấm hơn trong đất liền, biên độ nhiệt trong năm nhỏ</p> <p>- Chế độ gió:</p> <p>Gió hướng Đông Bắc chiếm ưu thế trong bảy tháng từ tháng 10 -> tháng 4.</p> <p>Gió hướng Tây Nam từ tháng 5 -> tháng 9. Riêng vịnh Bắc Bộ chủ yếu gió hướng nam.</p> <p>Gió trên biển mạnh hơn trên đất liền, trung bình 5- 6 m/s cực đại tới 50m/s.</p> <p>Đông trên biển thường phát triển về đêm và sáng.</p> <p>- Chế độ mưa: Lượng mưa trên biển ít hơn trên đất liền. Lượng mưa trung bình từ 1100 – 1300mm. Sương mù thường hay xuất hiện vào cuối hạ đầu đông.</p> <p>- Trên biển thường hay hình thành các tâm bão và áp thấp nhiệt đới. Mùa bão nước ta thường từ tháng 6 đến tháng 12, sức gió của các trận bão thường giật trên cấp 12.</p>	<p>3,0</p> <p>0,75</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,75</p> <p>0,5</p>										
	<p>3. Kể tên các đảo của Thanh Hóa. Vùng biển Thanh Hóa đem lại những thuận lợi gì đối với phát triển kinh tế.</p>	<p>1,0</p>										
	<p>- Các đảo của Thanh Hóa: Đảo Hòn Mê (Tĩnh Gia), đảo Hòn Nẹ (Hậu Lộc)</p> <p>- Thuận lợi:</p> <p>+ Có nhiều hải sản thuận lợi đánh bắt và nuôi trồng hải sản.</p> <p>+ Có nhiều bãi tắm đẹp, khí hậu tốt, phong cảnh đẹp thuận lợi phát triển du lịch, nghỉ dưỡng.</p> <p>+ Phát triển giao thông vận tải biển</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>										
V	<p>1. Tính tỉ lệ (%) che phủ rừng so với diện tích đất liền (Làm tròn 33 triệu ha)</p>	<p>1,0</p>										
	<p>Bảng số liệu về tỉ lệ che phủ rừng so với diện tích đất liền (Đơn vị %)</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>1943</th> <th>1983</th> <th>1995</th> <th>2005</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỉ lệ che phủ rừng</td> <td>43,3</td> <td>21,8</td> <td>28,1</td> <td>38,5</td> </tr> </tbody> </table>		Năm	1943	1983	1995	2005	Tỉ lệ che phủ rừng	43,3	21,8	28,1	38,5
	Năm		1943	1983	1995	2005						
Tỉ lệ che phủ rừng	43,3	21,8	28,1	38,5								
<p>2. Vẽ biểu đồ</p> <p>Dạng biểu đồ cột chồng giá trị tuyệt đối (tổng diện tích rừng và rừng trồng) và đường biểu diễn đơn (Độ che phủ rừng) (Biểu đồ khác không cho điểm)</p> <p>Ghi tên biểu đồ, đơn vị các trục, số liệu vào biểu đồ</p> <p>Đảm bảo tính thẩm mỹ, khoa học và chính xác (Thiểu mỗi yếu tố trừ 0,25)</p>	<p>2,0</p>											
<p>3. Nhận xét</p> <p>* Tổng diện tích rừng và độ che phủ rừng biến động:</p> <p>- Giai đoạn 1943 – 1983: Tổng diện tích rừng, độ che phủ rừng giảm mạnh (dẫn chứng)</p>	<p>2,0</p> <p>0,5</p>											

- Giai đoạn 1983 – 2005: Tổng diện tích rừng, độ che phủ rừng liên tục tăng (dc)	0,5
Tuy nhiên, độ che phủ rừng của nước ta còn thấp.	0,5
* Diện tích rừng trồng chiếm tỉ lệ nhỏ nhưng xu hướng tăng nhanh (dẫn chứng)	0,5